

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08/02/2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thịnh

Ông Trương Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nhâm Thị Thanh M, sinh năm: 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 02, phường H, thành phố T, tỉnh T.

Nơi cư trú: Số 712, tòa 1A, chung cư S, tổ 6, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc T1 (tức H1), sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 02, phường H, thành phố T, tỉnh T.

Nơi cư trú: Số 712, tòa 1A, chung cư S, tổ 6, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

(Chị Nhâm Thị Thanh M có mặt, anh Phạm Ngọc T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nhâm Thị Thanh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Ngọc T1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 11 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh T. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 7 năm 2018 khi chị phát hiện thấy anh T1 có những tin nhắn thân mật với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình. Chị và gia đình hai bên đã nhiều lần nói chuyện nhưng anh T1 không chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ kia mà còn đánh chị. Tháng 03 năm 2020 chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn để mong vợ chồng đoàn tụ nhưng anh T1 vẫn không thay đổi. Đến nay chị M xác định không còn tình cảm với anh T1, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

Về con chung: Chị và anh Phạm Ngọc T1 có 02 con chung là Phạm Gia K, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2008 và Phạm Gia V, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2011. Chị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con. Chị M đang làm nhân viên khai thác của Trung tâm điều hành thông tin thuộc Viễn thông T, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2022, bị đơn là anh Phạm Ngọc T1 trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị Nhâm Thị Thanh M trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường như bao gia đình khác, lúc hạnh phúc, lúc xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường không cùng quan điểm tuy nhiên anh vẫn yêu vợ, thương con, không muốn gia đình tan vỡ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị M có hai con chung như chị M trình bày. Anh không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về con chung.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện chính quyền địa phương nơi chị Nhâm Thị Thanh M và anh Phạm Ngọc T1 cư trú cung cấp nội dung như sau: Vợ chồng chị Nhâm Thị Thanh M và anh Phạm Ngọc T1 có mâu thuẫn, đã từng xảy ra xô xát, đánh nhau nhưng nguyên nhân cụ thể thì địa phương không nắm được do anh chị không

báo cáo. Chị M và anh T1 có hai con chung là Phạm Gia K và Phạm Gia V. Nay chị M xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nhâm Thị Thanh M được ly hôn anh Phạm Ngọc T1.

- Về con chung: Giao cho chị Nhâm Thị Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Gia V và Phạm Gia K. Chị M không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con nên không đặt ra giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Chị M và anh T1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nhâm Thị Thanh M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Nhâm Thị Thanh M khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Ngọc T1 có nơi cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Phạm Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nhâm Thị Thanh M và anh Phạm Ngọc T1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 11 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày do bất đồng quan điểm. Anh Phạm Ngọc T1 không đồng ý

ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị Nhâm Thị Thanh M kiên quyết xin ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M xử cho chị M được ly hôn anh T1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nhâm Thị Thanh M và anh Phạm Ngọc T1 có hai con chung là Phạm Gia K, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2008 và Phạm Gia V, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2011. Hiện nay hai con đang sống cùng với chị M. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, các con đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét điều kiện thực tế hiện nay, xét nguyện vọng của các con, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, để đảm bảo điều kiện sinh hoạt và học tập ổn định cho các con nên giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, việc cấp dưỡng cho con không đặt ra giải quyết vì chị Nhâm Thị Thanh M không yêu cầu. Anh Phạm Ngọc T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nhâm Thị Thanh M và anh Phạm Ngọc T1 không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nhâm Thị Thanh M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nhâm Thị Thanh M được ly hôn anh Phạm Ngọc T1 (tức H1).

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nhâm Thị Thanh M trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Phạm Gia K, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2008 và Phạm Gia V, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2011. Chị M không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con.

Anh Phạm Ngọc T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị Nhâm Thị Thanh M và anh Phạm Ngọc T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nhâm Thị Thanh M phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0000746 ngày 11/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nhâm Thị Thanh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phạm Ngọc T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Các đương sự;
- UBND phường H, TP T, tỉnh T (ĐKKH số 87/2007, ngày 28/11/2007);
- Lưu: hồ sơ, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Lý